

ĐO LƯỜNG KHẢ NĂNG SINH LỜI CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CHẾ BIẾN THỦY SẢN TỈNH KHÁNH HÒA

MEASURING THE PROFITABILITY OF SEAFOOD PROCESSING ENTERPRISES IN KHANH HOA PROVINCE

Võ Đình Quyết, Đặng Hoàng Xuân Huy
Khoa Kinh tế - Trường Đại học Nha Trang
Email: vodquyet@gmail.com*

ABSTRACT

The study focuses on measuring the profitability of seafood processing enterprises in Khanh Hoa Province from 2007 to 2010. Research results show that seafood processing and exporting industry in Khanh Hoa were facing lots of difficulties as number of enterprises had negative ROA, ROE, ROS in 2007 is 7 (18.42%), in 2008 is 14 (36.84%), in 2009 is 14 (36.84%), and 2010 is 13 (34.21%). The study also recommends the enterprises should be supported with financial credit and reasonable interest rates to help them reduce costs, increase their competitiveness in the international market. Closer linkages between the enterprises and farmer are also recommended.

Key words: the profitability, seafood processing, enterprises, export, Khanh Hoa

ĐẶT VẤN ĐỀ

Ngành thủy sản là một ngành kinh tế mũi nhọn và có sản lượng xuất khẩu lớn của Việt Nam với sản lượng thủy sản năm 2010 ước tính tăng 37,8 % so với năm 2006, bình quân mỗi năm trong giai đoạn 2006 – 2010 tăng 8,1 % (Tổng cục Thống kê, 2012). Cho đến nay, toàn tỉnh Khánh Hòa có 43 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trong tổng số 64 doanh nghiệp thủy sản. Trong đó, 23 doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản của tỉnh Khánh Hòa có qui mô lớn, số còn lại có quy mô vừa và nhỏ, hơn 25 nhà máy đông lạnh và tổng công suất cấp đông là 400 tấn/ngày, 4 nhà máy được cấp code xuất khẩu vào thị trường Châu Âu, 11 nhà máy được cấp giấy chứng nhận HACCP và nhiều nhà máy đạt tiêu chuẩn ngành và tiêu chuẩn xuất khẩu cho thị trường các nước trên thế giới. Cơ cấu về loại hình doanh nghiệp bao gồm: 4 doanh nghiệp Nhà nước chiếm 9,3%; có 24 công ty TNHH và Công ty cổ phần chiếm 79%; có 6 doanh nghiệp tư nhân chiếm tỷ lệ 11,7% (Sở NN & PTNT Khánh Hòa, 2011)

Trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế, các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản tỉnh Khánh Hòa không chỉ chịu sức ép cạnh tranh của các doanh nghiệp xuất khẩu thủy sản trong nước mà còn phải cạnh tranh với các doanh nghiệp thủy sản nước ngoài. Mối quan tâm hàng đầu của các doanh nghiệp thủy sản hiện nay là khả năng sinh lợi. Khả năng sinh lời là công cụ phát hiện những khả năng tiềm tàng trong hoạt động kinh doanh, cải tiến cơ chế quản lý trong kinh doanh và phòng ngừa rủi ro; cho phép các nhà quản trị nhìn nhận đúng đắn về khả năng, sức mạnh cũng như những hạn chế trong doanh nghiệp của mình, trên cơ sở này doanh nghiệp sẽ xác định đúng mục tiêu cùng các chiến lược kinh doanh có hiệu quả; là công cụ quan trọng trong những chức năng quản trị có hiệu quả của doanh nghiệp, nhất là các chức năng kiểm tra, đánh giá và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh để đạt được các mục tiêu kinh doanh (Điều Thị Mỹ Hiền, 2007). Mục tiêu của bài báo: (i) phân tích khả năng sinh lợi của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa; (ii) đề xuất một số khuyến nghị cho chính quyền và doanh nghiệp nhằm phát triển doanh nghiệp chế biến thủy sản Khánh Hòa bền vững.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Nghiên cứu về khả năng sinh lợi của 40 doanh nghiệp chế biến thủy sản Khánh Hòa từ 2007 - 2010.

Phương pháp nghiên cứu

Thống kê mô tả: là các phương pháp có liên quan đến việc thu thập số liệu, tóm tắt, trình bày, tính toán và mô tả các đặc trưng khác nhau để phản ánh một cách tổng quát đối tượng nghiên cứu.

Phương pháp đo lường khả năng sinh lời:

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA): ROA cho biết cứ 100 đồng tài sản đưa vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế (Luu Thị Hương, 2002).

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE): ROE cho biết bình quân cứ 100 đồng vốn chủ sở hữu đưa vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp thì thu được bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế. (Luu Thị Hương, 2002).

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): ROS cho biết cứ trong 100 đồng doanh thu và thu nhập thu được từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, thì có bao nhiêu đồng lợi nhuận trước thuế. Thông qua chỉ tiêu này, những người quan tâm đến doanh nghiệp nhận biết được hiệu quả của một đồng doanh thu thu được trong kỳ cao hay thấp. Chỉ tiêu này càng cao chứng tỏ hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp càng tốt (Luu Thị Hương, 2002).

KẾT QUẢ - THẢO LUẬN

Thống kê mô tả

Mô tả dữ liệu về tổng tài sản, vốn chủ sở hữu, doanh thu, lợi nhuận của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, 2007-2010 được trình bày như bảng 1.

Bảng 1: Thống kê mô tả một số biến của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, 2007-2010

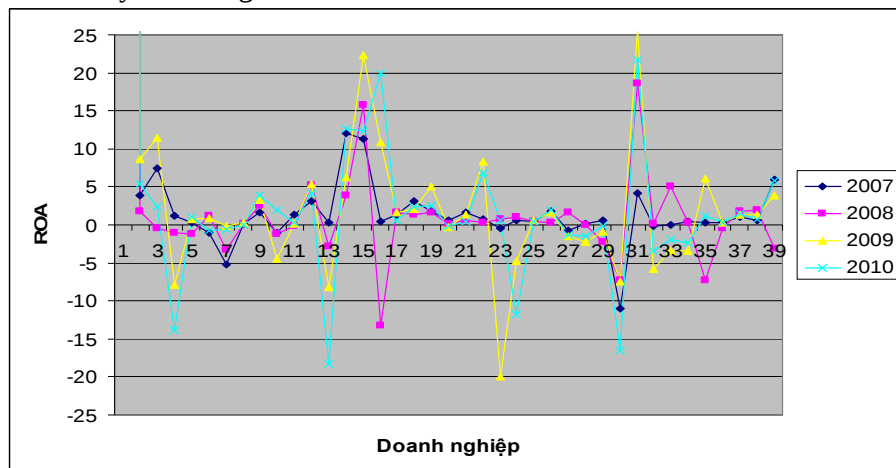
(ĐVT: triệu đồng)				
Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010
1. Tổng tài sản				
- Trung bình	53.137,45	58.430,58	63.345,26	64.831,24
- Lớn nhất	299.270	343.215	500.055	431.180
- Nhỏ nhất	806	685	880	985
- Độ lệch chuẩn	77.343,10	82.934,94	97.380,16	94.376,68
2. Vốn chủ sở hữu				
- Trung bình	14.953,82	17.471,58	24.174,87	27.052,76
- Lớn nhất	105.607	111.472	194.875	230.779
- Nhỏ nhất	371	385	462	512
- Độ lệch chuẩn	23.747,38	26.302,97	40.533,31	46.295,54
3. Doanh thu				
- Trung bình	106.755,29	128.779,37	110.333,50	128.519,11
- Lớn nhất	870.479	768.995	848.891	986.165
- Nhỏ nhất	1.715	829	311	1.235
- Độ lệch chuẩn	164.763,16	200.323,67	175.393,68	223.321,07
4. Lợi nhuận				
- Trung bình	1.534,30	1.619,50	2.492,55	752,34
- Lớn nhất	33.838	54.026	111.261	53.030
- Nhỏ nhất	-768	-5.811	-19.063	-33.821
- Độ lệch chuẩn	5.584,65	9.031,90	18.861,98	12.252

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu thu thập)

Đo lường khả năng sinh lời

Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (ROA)

Mô tả dữ liệu về tỷ suất ROA của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, 2007-2010 được trình bày như bảng 1.



Hình 1: Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa 2007-2010

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu thu thập)

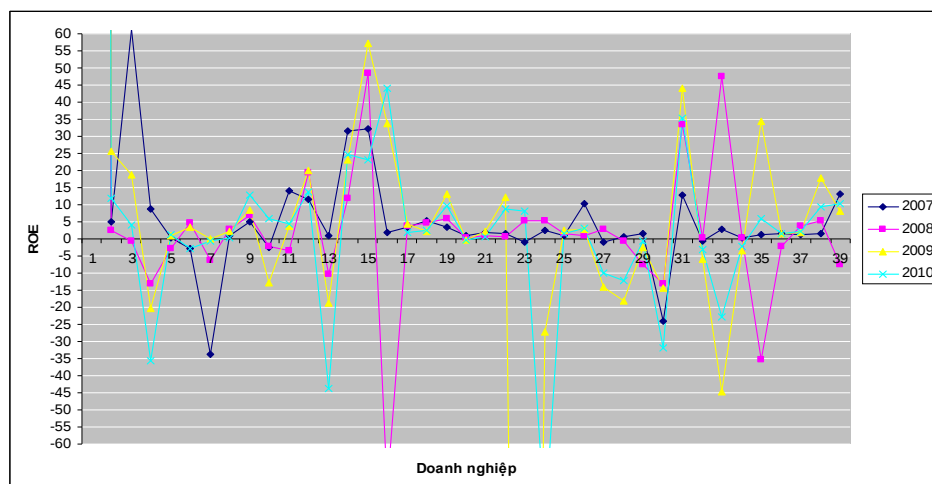
ROA năm 2007 trung bình là 1,29, nhỏ nhất là -11,04, lớn nhất là 12,07, độ lệch chuẩn là 3,77; năm 2008 trung bình là 0,64, nhỏ nhất là -13,18, lớn nhất là 18,63, độ lệch chuẩn là 5,19; năm 2009 trung bình là 1,55, nhỏ nhất là -19,88, lớn nhất là 25,46, độ lệch chuẩn là 7,90; năm 2010 trung bình là 1,02, nhỏ nhất là -18,27, lớn nhất là 21,77, độ lệch chuẩn là 7,85. Doanh nghiệp có ROA âm chiếm tỷ trọng lớn, với 7 doanh nghiệp có ROA âm (18,42%) năm 2007, năm 2008 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2009 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2010 là 13 doanh nghiệp (34,21%)

Theo lý thuyết kinh tế, chỉ số ROA là chỉ số tổng hợp và quan trọng nhất để đánh giá hiệu quả hoạt động sản xuất của một doanh nghiệp hay một ngành sản xuất. Chỉ số ROA càng cao cho thấy hiệu quả của hoạt động sản xuất càng lớn, và do vậy thành quả cho nỗ lực đầu tư và chấp nhận rủi ro của nhà đầu tư càng lớn. Điều này sẽ khuyến khích và tạo điều kiện cho nhà đầu tư mở rộng sản xuất trong dài hạn. Kết quả nghiên cứu cho thấy, ROA của nhiều doanh nghiệp mang dấu âm, chứng tỏ xét về mặt bằng chung, các doanh nghiệp này làm ăn không có hiệu quả, ngược lại còn bị thua lỗ. Kết quả tính toán cho thấy có sự chênh lệch lớn giữa giá trị nhỏ nhất và giá trị lớn nhất, đồng thời với độ lệch chuẩn lớn đã thể hiện sự khác biệt về hiệu quả giữa các doanh nghiệp chế biến thủy sản là rất lớn. Điều này ngụ ý chế biến thủy sản có rủi ro cao nhưng cũng là nghề hấp dẫn do các doanh nghiệp lãi có giá trị lợi nhuận ròng lớn.

Tỷ suất lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE)

Mô tả dữ liệu tỷ suất ROE của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, năm 2007-2010 được trình bày như hình 2. ROE trung bình năm 2007 là 4,64, nhỏ nhất là -33,74, lớn nhất là 61,22, độ lệch chuẩn là 14,42; năm 2008 trung bình là 1,11, nhỏ nhất là -72,81, lớn nhất là 48,47, độ lệch chuẩn là 19,19; năm 2009 trung bình là -7,28, nhỏ nhất là -437,85, lớn nhất là 57,09, độ lệch chuẩn là 74,85; năm 2010 trung bình là -0,04, nhỏ nhất là -82,4, lớn nhất là 44,13, độ lệch chuẩn là 21,54. Doanh nghiệp có ROE âm chiếm tỷ trọng lớn, với 7 doanh nghiệp có ROE âm (18,42%) năm 2007, năm 2008 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2009 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2010 là 13 doanh nghiệp (34,21%).

Nếu tỷ số ROE mang giá trị dương, là công ty làm ăn có lãi; nếu mang giá trị âm là công ty làm ăn thua lỗ. Tỷ số ROE phụ thuộc vào thời vụ kinh doanh, quy mô và mức độ rủi ro của công ty. Kết quả cho thấy rằng tỷ số ROE bình quân trong nghiên cứu lớn hơn ROA, có nghĩa là đòn bẩy tài chính của các công ty đã có tác dụng tích cực, nghĩa là các công ty đã thành công trong việc huy động vốn của cổ đông để kiếm lợi nhuận với tỷ suất cao hơn tỷ lệ tiền lãi mà các công ty phải trả cho các cổ đông.

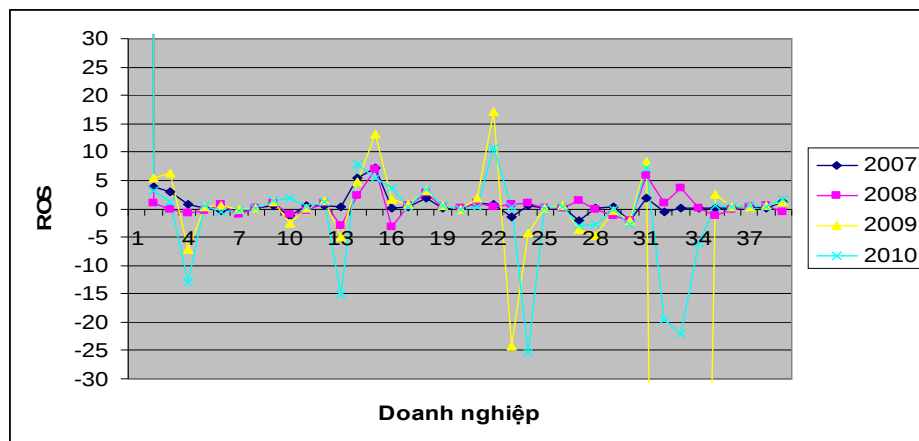


Hình 2: Tỷ suất ROE của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, năm 2007-2010

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu thu thập)

Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS)

Mô tả dữ liệu tỷ suất ROS của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa, 2007-2010 được trình bày như hình 3. ROS năm 2007 trung bình là 0,62, nhỏ nhất là -2,17, lớn nhất là 7,16, độ lệch chuẩn là 1,76; năm 2008 trung bình là 0,48, nhỏ nhất là -3,16, lớn nhất là 7,03, độ lệch chuẩn là 1,95; năm 2009, trung bình là -38,88, nhỏ nhất là -1.058,52, lớn nhất là 17,05, độ lệch chuẩn là 177,55; năm 2010 trung bình là -1,50, nhỏ nhất là -25,28, lớn nhất là 10,77, độ lệch chuẩn là 7,69. Doanh nghiệp có ROS âm chiếm tỷ trọng lớn, với 7 doanh nghiệp có ROS âm (18,42%) năm 2007, năm 2008 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2009 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2010 là 13 doanh nghiệp (34,21%).



Hình 3: Tỷ suất ROS của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa 2007-2010

(Nguồn: tính toán từ dữ liệu thu thập)

Tỷ số ROS cho biết lợi nhuận chiếm bao nhiêu phần trăm trong doanh thu. Tỷ số này mang giá trị dương nghĩa là công ty kinh doanh có lãi; tỷ số mang giá trị âm nghĩa là công ty kinh

doanh thua lỗ. Kết quả nghiên cứu cho thấy ROS của các doanh nghiệp chế biến thủy sản Khánh Hòa là thấp, và đây cũng là tình trạng chung của toàn ngành thủy sản trong các năm vừa qua.

Trong các năm qua, trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, một số lượng lớn doanh nghiệp chế biến thủy sản thua lỗ trầm trọng. Nguyên nhân các doanh nghiệp chế biến thủy sản khi lâm khủng hoảng nợ nần có nhiều nhưng tựu chung lại gồm các nguyên nhân sau:

(i) Thực trạng quản trị yếu kém. Ra đời từ quy mô gia đình, phát triển lên doanh nghiệp trách nhiệm hữu hạn hay cổ phần nhưng quản trị vẫn cung cách gia đình, không kiểm soát được các nguồn lực, từ sản phẩm đến tài chính. Quản trị trong các doanh nghiệp thủy sản là vấn đề lớn và phức tạp. Từ nguồn nguyên liệu đến chất lượng sản phẩm, cả hàng hoá tồn kho và nhiều nguồn lực khác như vốn tài chính, chuỗi cung ứng, kênh phân phối, nhân lực, tất cả phải được quản lý chặt mới không lãng phí và tăng năng lực cạnh tranh. Do năng lực cạnh tranh, trình độ quản lý của các doanh nghiệp không đồng đều; đối sách với khủng hoảng và sự thích ứng với các biến động thị trường thiếu năng động dẫn đến sản xuất, kinh doanh sa sút; tạo nên sự phân hóa lớn giữa các doanh nghiệp. Các doanh nghiệp lớn, đầu đàn – mạnh tiếp tục phát triển mạnh lên; các doanh nghiệp vừa và nhỏ thành lập chưa lâu, ít kinh nghiệm trên thương trường gặp khó khăn tăng lên. Điều này đã lý giải vì sao cùng chịu tác động khủng hoảng như nhau, môi trường sản xuất kinh doanh (SXKD) giống nhau... nhưng vẫn có doanh nghiệp mạnh lên, có doanh nghiệp xuống dốc. Tuy nhiên, khủng hoảng kinh tế hiện nay đã tác động sâu sắc đến sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, lấy mất nhiều cơ hội lẫn lợi thế của doanh nghiệp này nhưng đồng thời cũng tạo ra cơ hội, lợi thế cho doanh nghiệp khác tiếp tục ăn nên làm ra.

(ii) Thiếu vốn, lãi suất vay vốn cao ảnh hưởng đến sản xuất và chế biến là nguyên nhân trực tiếp. Trong các năm, đặc biệt là năm 2010, lãi suất vay vốn tăng cao từ 8%-25% /năm và đối với những khoản vay dài hạn trước đó với lãi suất thấp cũng được ngân hàng điều chỉnh tăng lên kéo dài vượt quá khả năng chịu đựng của doanh nghiệp. Theo chỉ đạo của Ngân hàng Nhà nước, lãi suất huy động có giảm từ 14% xuống 13%, 12% rồi 9%, trần lãi suất đầu ra tối đa không quá 15%. Một số ngân hàng thương mại tại Khánh Hòa đã điều chỉnh giảm lãi suất xuống 12% đến 14%, tùy theo đánh giá mức độ tín nhiệm của ngân hàng đối với từng doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc điều chỉnh lãi suất diễn ra rất chậm chạp, khiến nhiều doanh nghiệp vẫn phải xoay sở trả nợ với lãi suất cao. Thiếu vốn, lãi suất cao nên khi thị trường biến đổi bất lợi do doanh nghiệp không thể dự trữ hàng mà phải bán ngay với bất kỳ giá nào dẫn đến thua thiệt, khó khăn chồng lên khó khăn. Trong khi đó, các chi phí đều tăng cao ảnh hưởng đến sức sản xuất, khả năng cạnh tranh xuất khẩu, như giá điện, nhân công, bao bì, cước vận chuyển, thuế bảo vệ môi trường đối với bao bì nhựa PE, phí công đoàn, riêng phí kiểm dịch thú y tăng 300%...

(iii) Khó khăn gay gắt còn xuất phát từ nội tại của doanh nghiệp như: hoạt động chủ yếu bằng vốn vay gấp 5 - 6 lần vốn chủ sở hữu; sử dụng vốn vay sai mục đích, nợ xấu tăng cao, mất khả năng thanh toán, bị ngân hàng siết nợ thắt chặt cho vay, giảm hạn mức tín dụng hoặc không cho vay tiếp nên không còn vốn hoạt động. Việc không ít doanh nghiệp do không nắm đầy đủ thông tin về khách hàng, bị khách hàng chiếm dụng với số vốn lớn không thu hồi được hoặc do đầu tư lớn ra ngoài tỉnh kém hiệu quả dẫn đến khó khăn chồng lên khó khăn. Gần đây đã có một số nhà đầu tư mua lại một số công ty đang ở tình trạng khó khăn, nhưng mua rồi để đó không triển khai sản xuất hoặc chỉ sản xuất cầm chừng và đang xảy ra tranh chấp.

(iv) Địa phương vẫn chưa quan tâm đưa ra khuyến cáo; thực hiện nghiêm túc chủ trương trong công tác quy hoạch; trong khi nhà đầu tư lại thiếu thông tin. Do công nghiệp chế biến phát triển nóng, thiếu quy hoạch vùng trong thời gian dài và gần như chưa có sự phối hợp, liên kết vùng trong phát triển ngành chế biến thủy sản xuất khẩu; nhà máy tiếp tục mọc lên dẫn đến thực trạng công suất chế biến tăng nhanh, vượt xa so với nguồn nguyên liệu thực có. Khi cung - cầu nguyên liệu mất cân đối nghiêm trọng dẫn đến tranh mua, tranh bán bằng mọi

giá dẫn đến việc thiếu nguyên liệu vì thế càng trầm trọng thêm, gây tổn thất cho doanh nghiệp và lãng phí lớn tiềm lực của tỉnh Khánh Hòa.

(v) Thị trường cũng biến động khó lường. Có năm giá xuất khẩu tôm tăng cao; ngược lại từ có năm, có đợt giá tôm sụt giảm mạnh, bình quân trên 25-30% so với cùng kỳ; cụ thể giá tôm nguyên liệu giảm mạnh từ 40-70 nghìn đồng/kg, cộng với dịch bệnh tôm chết triền miên đã tạo cú sốc đối với người sản xuất nguyên liệu dẫn đến hàng loạt doanh nghiệp thua lỗ nặng.

KẾT LUẬN VÀ ĐỀ NGHỊ

Nghiên cứu tập trung vào đo lường khả năng sinh lời của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa từ 2007 –2010. Kết quả nghiên cứu cho thấy doanh nghiệp chế biến thủy sản Khánh Hòa đang gặp rất nhiều khó khăn với số doanh nghiệp có ROA, ROE, ROS âm năm 2007 là 7 doanh nghiệp (18,42%), năm 2008 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2009 là 14 doanh nghiệp (36,84%), năm 2010 là 13 doanh nghiệp (34,21%). Để khắc phục điều này các cơ quan chức năng phải vào cuộc thực sự như khuyến cáo, thực hiện nghiêm túc chủ trương trong công tác qui hoạch...

Nghiên cứu chỉ mới cập nhật dữ liệu đến năm 2010. Ở nghiên cứu tiếp theo, tác giả sẽ cập nhật dữ liệu mới cũng như nghiên cứu về ảnh hưởng của các yếu tố môi trường đến khả năng sinh lời của các doanh nghiệp chế biến thủy sản tỉnh Khánh Hòa

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Điền Thị Mỹ Hiền, 2007. Phân tích kết quả hoạt động kinh doanh của ngân hàng thương mại cổ phần Sài Gòn Thương Tín chi nhánh kiên giang. Luận văn tốt nghiệp cử nhân kế toán. Khoa kinh tế, Đại học Cần Thơ.

Lưu Thị Hương (chủ biên), 2002. “Doanh thu, chi phí và lợi nhuận của doanh nghiệp” trong Lưu Thị Hương (chủ biên). Giáo trình tài chính doanh nghiệp, tái bản lần thứ nhất, 151 – 165. Nhà xuất bản Giáo dục.

Sở NN & PTNT Khánh Hòa, 2011. Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện công tác nông nghiệp và phát triển nông thôn năm 2008, 2009, 2010, 2011.

Tổng cục Thống kê, 2012. Kinh tế – xã hội thời kỳ 2006 – 2010 qua số liệu một số chỉ tiêu thống kê chủ yếu [trực tuyến]. Đọc từ: <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=418&ItemID=10879>